

3 Put the names of the countries under their flags.

New Zealand
the USA

Singapore
Canada

Australia
the United Kingdom



1. _____



2. _____



3. _____



4. _____



5. _____



6. _____

EX 4. Nối từ vựng với nghĩa của từ:

1. International = Global = Worldwide = Universal	ngôn ngữ chính thức
2. Summer camp	người bản xứ
3. Have difficulty + Something/ V-ing	gặp khó khăn trong việc..
4. Accent	giọng
5. Official language	trại hè
6. Native speakers	quốc tế, toàn cầu.